

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/DS-ST

Ngày: 17 - 9 - 2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sáu và ông Nguyễn Văn Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2021/TLST- DS, ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2021/QĐST - DS ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2021/QĐST – DS ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

Địa chỉ: Số 35 H, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Cao Tr – Phó Giám đốc Phòng giao dịch K, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V

(Quyết định ủy quyền số 1043a/BIDV.BH ngày 22/5/2021, có mặt).

Địa chỉ: 105 N, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Tăng Thành T và bà Võ Thị H.

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Ông Tăng Thành T ủy quyền cho bà Võ Thị H tham gia tố tụng, bà H vắng mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tăng Thị Việt N, Tăng Thị Việt M, Tăng Thị Việt Ú, Tăng Việt P.

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ủy quyền cho bà Võ Thị H tham gia tố tụng, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Cao Tr trình bày:

Ngày 28/9/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V – Phòng

giao dịch K (Sau đây gọi tắt là ngân hàng) với ông bà Tăng Thành T - Võ Thị H đã ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2018/829805/HĐTD với nội dung: Ngân hàng cho ông Tăng Thành T và bà Võ Thị H vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân (Hạn trả cuối cùng là ngày 14/12/2019), lãi suất tại thời điểm giải ngân là 10.8%/năm, trả lãi theo quý. Mục đích vay để sản xuất nông nghiệp.

Sau khi ký kết hợp đồng ngân hàng đã giải ngân số tiền 250.000.000đ cho ông T và bà H theo Hợp đồng tín dụng.

Tài sản thế chấp để bảo đảm tiền vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận QSD đất sau: GCN QSD đất số BT 833363 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 08/01/2016 mang tên Hộ ông Tăng Thành T; GCN QSD đất số BN 603283 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 28/5/2013 mang tên Hộ ông Tăng Thành T và bà Võ Thị H; GCN QSD đất số BN 6000039 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/6/2014 mang tên ông Tăng Thành T và bà Võ Thị H. Việc thế chấp được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 01/2016/8289805/HĐTC ngày 19/02/2016; văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2016/8289805/SĐBS ngày 05/12/2016 và 02/2016/8289805 ngày 14/3/2016; văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2017/8289805/SĐBS ngày 26/10/2017, việc thế chấp được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn vay tiền ông T và bà H chỉ trả được 13.389.041đ tiền lãi. Tính đến ngày 07/01/2021 (Ngày ngân hàng làm đơn khởi kiện) ông H và bà T còn nợ ngân hàng số tiền là 318.378.835 đồng, trong đó, tiền gốc: 250.000.000 đồng; tiền lãi là 68.378.835đ. Sau khi ngân hàng khởi kiện tại Tòa án thì hộ ông T tiếp tục trả được 116.000.000đ tiền nợ gốc và 6.805.480đ tiền nợ lãi. Còn số nợ gốc 134.000.000đ và tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến nay hộ ông T vẫn không tiếp tục trả cho ngân hàng, mặc dù đã quá thời hạn trả nợ.

Đến thời điểm xét xử tổng số tiền mà ông T và bà H còn nợ ngân hàng là 206.645.345đ, bao gồm: Nợ gốc là 134.000.000đ, lãi suất là 72.605.345đ (Lãi trong hạn là 47.490.411đ; lãi quá hạn là 23.745.205đ; lãi chậm trả đối với lãi là 1.369.729đ).

Do trong quá trình giải quyết vụ án ông T và bà H đã trả một phần tiền nợ, vì vậy tại phiên tòa ngân hàng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà H trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 206.645.345đ (Hai trăm linh sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi lăm đồng).

Ông T và bà H tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo theo hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 18/9/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp, ông T và bà H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V đề nghị được quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- Quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2021 bị đơn bà Võ Thị H trình bày:

Bà công nhận bà và ông Tăng Thành T với ngân hàng đã ký kết hợp đồng tín dụng với nội dung gia đình bà vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), về thời hạn trả nợ và tài sản thế chấp của khoản vay trên đúng như đại diện ngân hàng đã trình bày. Bà công nhận hiện nay gia đình bà còn nợ ngân hàng số nợ gốc 250.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Khoản nợ của gia đình bà hiện nay đã quá

hạn thanh toán nợ gốc và lãi. Ngân hàng khởi kiện bà và ông T tại Tòa án là đúng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà xin được gia hạn thêm thời gian để tự sắp xếp trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào hồ sơ do nguyên đơn cung cấp thì các anh chị: Tăng Thị Việt N, Tăng Thị Việt M, Tăng Thị Việt Ú và Tăng Thị Việt P là thành viên hộ gia đình ông Tăng Thành T và đã trên 18 tuổi, tài sản thế chấp để bảo đảm tiền vay là tài sản của hộ gia đình. Căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định các anh chị: Tăng Thị Việt N, Tăng Thị Việt M, Tăng Thị Việt Ú, Tăng Thị Việt P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án đồng bị đơn là ông Tăng Thành T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã ủy quyền cho bà Võ Thị H tham gia tố tụng. Tại phiên tòa bà Võ Thị H vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V với ông Tăng Thành T và bà Võ Thị H đã xác lập giao dịch vay tiền. Do ngân hàng cho rằng ông T và bà H không trả nợ đúng hạn nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định tranh chấp giữa ngân hàng với ông T và bà H là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu ông Tăng Thành T và bà Võ Thị H trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử là 206.645.345đ, vì cho rằng ông T và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, HĐXX xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn thống nhất nội dung ý kiến về số tiền vay, thời hạn trả nợ cũng như số nợ đã trả, vì vậy đã có căn cứ xác định như sau: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V – Chi nhánh Bắc Đ – Phòng giao dịch K cho ông T và bà H vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Sau khi ký kết hợp đồng ngân hàng đã giải ngân số tiền 250.000.000đ cho ông T và bà H theo Hợp đồng tín dụng.

Theo thời hạn trả nợ mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng thì tính đến thời điểm ngân hàng khởi kiện tại Tòa án khoản vay của ông T và bà H đối với ngân hàng đã quá hạn trả nợ. Tuy nhiên, trong thời hạn vay ông T và bà H chỉ mới trả cho ngân hàng được một kỳ tiền lãi, với số tiền là 13.389.041đ. Sau khi ngân hàng tiến hành khởi kiện thì ông T và bà H đã trả thêm được 116.000.000đ tiền nợ gốc và 6.805.480đ tiền nợ lãi. Mặc dù sau khi ngân hàng tiến hành khởi kiện thì phía bị đơn có thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng vẫn chưa trả hết. Tính đến thời điểm xét xử ông T và bà H còn nợ ngân hàng số tiền là 206.645.345đ, bao gồm: Nợ gốc là 134.000.000đ, lãi suất là 72.605.345đ. Ông T và bà

H không tiếp tục thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng và cũng không bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng để xử lý nợ, là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh là hoàn toàn có căn cứ.

+ Xét ý kiến của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án bà H đề nghị được gia hạn thời hạn trả nợ. Nhưng do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ và nguyên đơn không chấp nhận ý kiến của bị đơn. Nên HĐXX xét thấy không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, buộc ông Tăng Thành T và bà Võ Thị H phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử là 206.645.345đ, đồng thời phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 18/9/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền ông T và bà H đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất. Vì vậy nếu ông T và bà H không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông T và bà H đã thế chấp cho ngân hàng để thu hồi nợ.

[3]. Về án phí: Ông Tăng Thành T và bà Võ Thị H là người có lỗi và phải thực hiện nghĩa vụ dân sự, không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên sẽ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

1. Buộc ông Tăng Thành T và bà Võ Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V tổng số tiền là 206.645.345đ (Hai trăm linh sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi lăm đồng), bao gồm: Nợ gốc là 134.000.000đ, lãi suất là 72.605.345đ.

Kể từ ngày 18/9/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Tăng Thành T và bà Võ Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2018/829805/HĐTD ngày 28/9/2019.

Sau khi ông T và bà H trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V có nghĩa vụ trả lại cho ông T và bà H các giấy chứng nhận QSD đất sau: GCN QSD đất số BT 833363 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 08/01/2016, mang tên Hộ ông Tăng Thành T; GCN QSD đất số BN 603283 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 28/5/2013, mang tên Hộ ông Tăng Thành T và bà Võ Thị H và GCN QSD đất số BN 6000039 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/6/2014 mang tên ông Tăng Thành T và bà Võ Thị H.

Trường hợp ông T và bà H không trả hoặc trả không hết nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà ông T và bà H đã thế chấp cho ngân hàng tại Hợp đồng thế chấp số 01/2016/8289805/HĐTC ngày 19/02/2016; văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2016/8289805/SĐBS ngày 05/12/2016 và 02/2016/8289805 ngày 14/3/2016, văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2017/8289805/SĐBS ngày 26/10/2017, để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Ông Tăng Thành T và bà Võ Thị H phải liên đới nộp 10.332.267đ (Mười triệu ba trăm ba mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi bảy đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V số tiền 7.960.000đ (Bảy triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2019/0015244 ngày 04 tháng 02 năm 2021.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN